TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Vũ Xuân Vương

ông Võ Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: đội 5, xóm C, xã T, huyện LS, tỉnh Hòa Bình; *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: anh Lê Xuân H, sinh năm: 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 17, ấp S, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: chị và anh H bắt đầu sống chung với nhau từ năm 2006 và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống tại khu công nghiệp B để làm công nhân; do vợ chồng đều là công nhân làm việc cho các công ty trong khu công nghiệp với mức thu nhập không cao, sau khi vợ chồng sinh hai người con cách nhau chưa đầy hai năm cuộc sống càng thêm khó khăn, nhưng anh H lại hay cờ bạc, rượu chè, gái gú, không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng sinh ra mâu thuẫn, xích mích, tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được; nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên từ tháng 4/2009, vợ chồng chị quyết định mỗi người một nơi, chị dẫn theo hai con về Bắc sinh

sống với gia đình bên ngoại và vợ chồng ly thân từ đó đến nay; do thời gian ly thân lâu, tình cảm đối với anh H không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là các cháu Lê Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 30/01/2007 và Lê Nguyễn Hoàng P, sinh ngày: 16/11/2008; cả hai cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Sau khi vợ chồng ly thân, anh H có gửi tiền để phụ giúp chị nuôi con, số tiền anh H gửi cho các cháu dao động từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; nhưng từ năm 2012 anh H không chu cấp cho các con nữa, nên một mình chị phải lo toàn bộ chi phí nuôi con. Do đó, khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Xuân H trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quá trình tiến tới hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh xác định vợ chồng chỉ sống chung với nhau khoảng 4 năm đầu sau khi kết hôn, từ sau đó đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa; tuy nhiên, theo anh thì nguyên nhân không phải như chị L trình bày, mà việc vợ chồng sống hai nơi là do thỏa thuận; ban đầu, do công việc công nhân của vợ chồng thu nhập thấp nên kinh tế khó khăn, sau khi sinh do hai con còn nhỏ và anh chị không có thời gian chăm sóc con nên vợ chồng thống nhất với nhau sẽ gửi con về nhờ bà ngoại các cháu chăm sóc; sau đó, do em gái chị L bị Tòa án xử đi tù, bố chị L thì đã mất nên anh đồng ý để chị L về Bắc một thời gian để tiện chăm sóc cho mẹ và các con; nhưng cũng từ đó chị L và hai con sống luôn ngoài Bắc; vợ chồng anh vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại, anh có ra thăm vợ con một lần vào năm 2017 và vẫn gửi tiền về cho chị L để lo cho các con. Trong khoảng thời gian hơn 01 năm nay anh không còn gửi tiền chu cấp cho các con nữa, nguyên nhân là do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và anh có nghe thông tin rằng chị L đã có người đàn ông khác. Việc chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn là do hiện nay chị L đã sống chung với một người đàn ông này và đã sinh con cho người đó, chị L lấy lý do vợ chồng mâu thuẫn do anh hay cờ bạc, nhậu nhẹt, gái gú là hoàn toàn bịa đặt. Đối với yêu cầu ly hôn của chị L thì anh không đồng ý ly hôn do anh vẫn còn thương vợ con; nếu trường hợp phải ly hôn thì anh có yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng, tuy nhiên, nếu các con có nguyện vọng sống với mẹ thì anh tôn trọng và đồng ý giải quyết theo ý kiến của các cháu. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H tự nguyện cấp dưỡng cho các cháu V và P với mức 2.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành và đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung tự nguyện này trong bản án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) và quy định tại các điều 85, 89, 91 và 92 của Luật HN&GĐ năm 2000 để giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn anh H; giao cả 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của anh H về nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 cháu P và V với mức 2.000.000 đồng/cháu/tháng; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét do không có ai yêu cầu; về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh H chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giành quyền nuôi con đối với anh Lê Xuân H nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị L là nguyên đơn, anh H là bị đơn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn (chị Nguyễn Thị L) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Xuân H tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số R0-86 ngày 16/10/2006, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L nhận thấy: chị L và anh H đều xác định từ khoảng năm 2009 cho đến nay chị L cùng hai con về quê (huyện LS, tỉnh Hòa Bình) sinh sống, còn anh H sống một mình tại xã X; giữa hai người không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến vợ chồng không chung sống với nhau thời gian dài, theo chị L là do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên chị dẫn con bỏ đi, còn anh H lại cho rằng là do hoàn cảnh kinh tế gia đình nên vợ chồng có sự thỏa thuận về nơi cư trú của mỗi người; tuy nhiên, qua lời trình bày của anh H về diễn biến hôn nhân lại không thể hiện có sự thỏa thuận của vợ chồng, cụ thể từ năm 2009 đến nay anh H chỉ về Hòa Bình thăm vợ con 01 lần duy nhất vào năm 2017 và trong lần về thăm này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì chị L yêu cầu ly hôn, nên từ đó anh H không còn thực hiện chu cấp tiền nuôi con nữa; ngoài ra, anh H cũng cho rằng do chị L hiện nay đã có quan hệ tình cảm với người khác và đã có con với nhau nên chị L mới mong muốn ly hôn nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Như vậy, từ những phân tích trên cho thấy giữa chị L và anh H đã có mâu thuẫn thật sự; theo quy định tại Điều 19 của Luật HN&GĐ thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, cảm thông, chia sẻ, quan tâm nhau, cùng nhau chia sẻ những công việc của gia đình nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích xác lập hôn nhân nhưng đối với vợ chồng chị L, anh H thì mục đích này đã không đạt được, thời gian ly thân quá dài đã ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, ảnh hưởng đến sự gắn kết, thắt chặt tình cảm

giữa các thành viên trong gia đình, dẫn đến anh H nghi ngờ chị L đã sống chung với một người khác nên mới yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn anh H của nguyên đơn (chị L) là có cơ sở chấp nhận nên HĐXX quyết định cho chị L được ly hôn anh H.

[3] Về tranh chấp quyền nuôi con chung và cấp dưỡng: chị L yêu cầu được nuôi cả hai con chung, anh H cũng có yêu cầu được nuôi con nhưng anh tôn trọng nguyện vọng của hai con; theo bản tự khai của các cháu V và P đều thể hiện nguyện vọng tiếp tục được sống với mẹ; xét thấy: thời gian vợ chồng ly thân các cháu sống chung với chị L và vẫn được đảm bảo một cuộc sống tốt nên tiếp tục giao cả hai cháu V và P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Mặc dù chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa anh H đề nghị Tòa án ghi nhận việc hàng tháng anh sẽ cấp dưỡng cho cháu V và P với mức 2.000.000 đồng/cháu; xét đề nghị của anh H là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận. Riêng đối với đề nghị áp dụng pháp luật thì không chấp nhận, bởi lẽ: tuy hôn nhân giữa chị L và anh H xác lập vào thời điểm Luật HN&GĐ năm 2000 đang có hiệu lực nhưng thời điểm chị L yêu cầu ly hôn là thời điểm Luật HN&GĐ 2014 đã có hiệu lực pháp luật nên việc VKS đề nghị áp dụng pháp luật HN&GĐ năm 2000 để giải quyết yêu cầu ly hôn là không phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GĐ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Xuân H.

2. Về con chung: giao hai cháu Lê Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 30/01/2007 và Lê Nguyễn Hoàng P, sinh ngày: 16/11/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng anh Lê Xuân H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu V và P số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật HN&GĐ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai thu tiền số 004622 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Xuân H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng nguyên đơn vắng mặt nên thời hạn 15 ngày kháng cáo được tính từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Đông;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Thế Nam